

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 36

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Số 27 đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cmistone Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hữu Trung	Chủ tịch (Từ ngày 31 tháng 05 năm 2022)
Ông Trần Thanh Hiệp	Phó Chủ tịch (Từ ngày 31 tháng 05 năm 2022)
Ông Trần Thanh Hữu	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Phong	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Thanh Hiệp	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm lại từ ngày 31 tháng 05 năm 2022)
Ông Trần Thanh Hữu	Phó Tổng Giám đốc

##### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Trần Thanh Hiệp – Tổng Giám đốc Công ty.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Số 27 đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Thanh Hiệp**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: 033104/2023/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cmistone Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cmistone Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do những vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến số dư đầu năm trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan nếu có trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không.

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền lần lượt là 130.124.314.233 đồng và 125.957.672.439 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu có trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả của Công ty với số dư theo sổ sách kế toán cụ thể như sau:

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Mã số	Số dư tại 31/12/2022
<b>Các khoản phải thu</b>		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10.588.328.483
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11.392.564.108
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2.211.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.335.152.394
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	723.287.361
Phải thu dài hạn khác	216	9.112.634.552
<b>Các khoản phải trả</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.892.258.756
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.937.446.793
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	77.479.792.108
Phải trả ngắn hạn khác	319	6.546.769.125
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	82.805.212.647
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	68.212.885.957

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Đồng thời, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các hợp đồng vay, cho vay phát sinh các năm trước và hiện vẫn còn số dư cho đến thời điểm hiện tại nên chúng tôi không thể ước tính chính xác lãi các khoản đi vay và cho vay cần ghi nhận. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không.

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá về khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai liên quan đến khoản chi phí trả trước dài hạn số tiền 9.929.634.520 đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, khoản vay Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội là 98.692.000.000 đồng. Hiện tại, Công ty con đang bị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do chậm thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn. Chúng tôi chưa được tiếp cận đầy đủ các hồ sơ liên quan đến vụ kiện để đưa ra các ý kiến liên quan đến vấn đề này.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty đã hạch toán thu hồi bằng tiền mặt khoản tiền đã trả trước cho Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam với số tiền 28.756.686.100 đồng đồng thời hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 28.756.686.100 đồng. Công ty đã hạch toán thu hồi bằng tiền mặt khoản tiền phải thu với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn với số tiền 12.052.249.836 đồng, đồng thời hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 12.052.249.836 đồng. Với các tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, Chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý của nghiệp vụ thu tiền cũng như hoàn nhập dự phòng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và ảnh hưởng nếu có của các điều chỉnh đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Như đã trình bày tại thuyết minh II của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất:

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn đang lỗ lũy kế với số tiền 244.244.180.117 đồng, vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đang âm số tiền 80.185.067.971 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 99.422.452.731 đồng.

Ngày 07/11/2022, Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 53516/CTHN-QLN do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15.938.775.004 đồng (thời hạn cưỡng chế 01 năm).

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã khởi kiện Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/04/2018 với số tiền đã cho vay là 100.000.000.000 đồng để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị, các khoản vay đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam.

Các vấn đề nêu trên tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### Từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán

Do tầm quan trọng của vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 24 tháng 03 năm 2022 từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.



**Trần Thiện Thanh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2023-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

A blue ink signature of Đặng Thị Phương Thảo.

**Đặng Thị Phương Thảo**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5169-2020-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>137.716.729.961</b>	<b>84.347.285.489</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>84.278.566</b>	<b>373.195.584</b>
1. Tiền	111	V.1	84.278.566	373.195.584
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.868.007.698</b>	<b>(4.178.863.469)</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	14.350.118.744	17.030.873.056
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12.837.855.508	44.458.067.143
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.406.000.000	2.211.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	13.367.528.416	16.737.808.149
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(37.093.494.970)	(84.716.638.948)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	100.027.131
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>122.144.843.628</b>	<b>82.798.627.856</b>
1. Hàng tồn kho	141		130.124.314.233	90.778.098.461
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.979.470.605)	(7.979.470.605)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.619.600.069</b>	<b>5.354.325.518</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.619.600.069	5.354.105.660
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	-	219.858
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87.450.270.717</b>	<b>94.857.936.879</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>445.284.787</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	723.287.361	723.287.361
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.112.634.552	17.902.634.552
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(9.835.921.913)	(18.180.637.126)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>77.520.636.197</b>	<b>83.490.502.597</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	71.579.892.540	77.533.210.905
- Nguyên giá	222		125.957.672.439	125.957.672.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.377.779.899)	(48.424.461.534)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.940.743.657	5.957.291.692
- Nguyên giá	228		9.975.000.000	9.975.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.034.256.343)	(4.017.708.308)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.929.634.520</b>	<b>10.922.149.495</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	9.929.634.520	10.922.149.495
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>225.167.000.678</b>	<b>179.205.222.368</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>305.352.068.649</b>	<b>289.568.985.278</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>237.139.182.692</b>	<b>219.115.612.677</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.909.673.506	6.695.477.991
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.434.464.508	5.861.254.085
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	15.136.857.552	14.737.054.201
4. Phải trả người lao động	314		-	280.146.731
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	77.479.792.108	67.531.371.860
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6.546.769.125	6.680.922.560
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	114.630.073.893	117.327.833.249
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.552.000	1.552.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>68.212.885.957</b>	<b>70.453.372.601</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	68.212.885.957	70.453.372.601
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(80.185.067.971)</b>	<b>(110.363.762.910)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>(80.185.067.971)</b>	<b>(110.363.762.910)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.167.767.978	3.167.767.978
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		891.344.168	891.344.168
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(244.244.180.117)	(274.422.875.056)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(274.422.875.056)	(294.310.977.102)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.178.694.939	19.888.102.046
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>225.167.000.678</b>	<b>179.205.222.368</b>



Trần Thị Hiền  
Người lập  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Trần Thị Hiền  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hiệp  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>27.185.381.978</b>	<b>38.583.725.671</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>27.185.381.978</b>	<b>38.583.725.671</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.278.367.735	40.572.580.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.092.985.757)	(1.988.854.651)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	66.868.144	407.356
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.366.256.857	10.177.242.662
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.914.632.329	9.997.226.301
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.004.957.892	1.615.854.643
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(56.003.263.030)	(34.047.079.805)
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>38.605.930.668</b>	<b>20.265.535.205</b>
12. Thu nhập khác	31		3.351.736	29.454.830
13. Chi phí khác	32	VI.7	8.349.311.798	406.887.989
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(8.345.960.062)</b>	<b>(377.433.159)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>30.259.970.606</b>	<b>19.888.102.046</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	81.275.667	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>30.178.694.939</b>	<b>19.888.102.046</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30.178.694.939	19.888.102.046
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.886	1.243
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.886	1.243



Trần Thị Hiền  
Người lập  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Trần Thị Hiền  
Kế toán trưởng

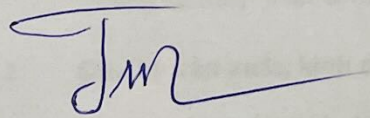


Trần Thanh Hiệp  
Tổng Giám đốc

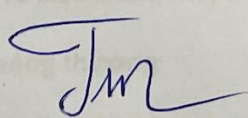
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>30.259.970.606</b>	<b>19.888.102.046</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.969.866.400	6.728.121.409
Các khoản dự phòng	03	(56.687.711.162)	(34.742.405.518)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	178.181.561
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(441.401)	(407.356)
Chi phí lãi vay	06	9.914.632.329	9.997.226.301
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>(10.543.683.228)</b>	<b>2.048.818.443</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	43.015.850.231	51.429.764.579
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(39.346.215.772)	(22.673.257.043)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	11.200.484.961	(37.006.102.043)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	992.514.975	946.990.021
Tiền lãi vay đã trả	14	(33.787.919)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(441.275.667)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>20</b>	<b>4.843.887.581</b>	<b>(5.253.786.043)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(272.727.273)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(195.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	441.401	407.356
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(194.558.599)</b>	<b>(272.319.917)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.008.978.000	20.634.542.576
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.947.224.000)	(14.953.041.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.938.246.000)</b>	<b>5.681.501.576</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(288.917.018)</b>	<b>155.395.616</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>373.195.584</b>	<b>217.799.968</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>84.278.566</b>	<b>373.195.584</b>



Trần Thị Hiền  
Người lập  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Trần Thị Hiền  
Kế toán trưởng



  
Trần Thanh Hiệp  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cmistone Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 05 năm 2019.

Vốn điều lệ là 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CMI. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CMI là ngày 23/06/2010.

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, sét. Chi tiết: Khai thác đá, khai thác cát sỏi, khai thác đất sét;
- Khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Chi tiết: khai thác quặng, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, manga, krom, niken, coban, molybden, tantali, vanadi;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khai thác nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên và chất phụ gia khác; khai thác đá quý, bột thạch anh mica...; khai thác đá vôi trắng;
- Sửa chữa máy móc màu và kim loại quý;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc; thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác như: bán buôn phương tiện vận tải; bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; cho thuê máy móc thiết bị văn phòng; cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác như: dụng cụ máy, thiết bị đo lường và điều khiển; máy móc công nghiệp; cho thuê container.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty tại Số 27 đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Lĩnh vực kinh doanh
Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất, thương mại

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Địa điểm kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Văn phòng giao dịch Công ty tại Yên Bái	Thôn Chấn Hưng, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
2	Văn phòng giao dịch Công ty tại Quảng Ngãi	Thôn Huy Mãng, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

**6. Nhân viên**

Từ năm 2019 đến nay, Công ty chỉ có các thành viên Ban Tổng Giám đốc trực tiếp quản lý, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc không nhận lương trong năm 2022.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn đang có lỗ lũy kế với số tiền 244.244.180.117 đồng, vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đang âm với số tiền 80.185.067.971 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 99.422.452.731 đồng.

Ngày 07/11/2022, Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 53516/CTHN-QLN do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15.938.775.004 đồng (thời hạn cưỡng chế 01 năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Giả định hoạt động liên tục (Tiếp theo)**

Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã khởi kiện Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/4/2018 với số tiền đã cho vay là 100.000.000.000 đồng để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị, các khoản vay đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam.

Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang tập trung xây dựng các phương án kinh doanh để Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai. Theo đó Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

Vì vậy, báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	02 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 20
Tài sản cố định khác	05 - 25

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền khai thác mỏ đá. Công ty khấu hao Quyền khai thác mỏ đá theo thời gian ước tính khai thác.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Giấy phép khai thác mỏ đá Quý Hợp	30



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước của Công ty là chi phí giải phóng mặt bằng dự án Nghĩa Đàn tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính dựa trên điều khoản ghi nhận trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	7.374.342	4.096.643
Tiền gửi ngân hàng	76.904.224	369.098.941
<b>Cộng</b>	<b>84.278.566</b>	<b>373.195.584</b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất xây dựng Toàn Cầu	3.145.351.660	2.280.850.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	5.147.623.734	5.147.623.734
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	2.610.148.029	2.610.148.029
Công ty Phát triển khu công nghiệp Nghệ An	1.333.166.392	1.333.166.392
Khách hàng khác	2.113.828.929	5.659.084.901
<b>Cộng</b>	<b>14.350.118.744</b>	<b>17.030.873.056</b>
<b>Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)</b>	<b>186.121.826</b>	<b>5.994.417.009</b>
<b>b) Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	723.287.361	723.287.361
<b>Cộng</b>	<b>723.287.361</b>	<b>723.287.361</b>

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xuất khẩu & Khai thác khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	35.941.484.659
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại & Dịch vụ Hoành Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
Các người bán khác	3.627.389.229	6.490.914.764
<b>Cộng</b>	<b>12.837.855.508</b>	<b>44.458.067.143</b>
<b>Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)</b>	<b>9.210.466.279</b>	<b>37.967.152.379</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long (*)	2.211.000.000	2.211.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu & Khai thác khoáng sản Việt Nam (**)	195.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.406.000.000</b>	<b>2.211.000.000</b>
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)</b>	<b>2.406.000.000</b>	<b>2.211.000.000</b>

(\*) Khoản cho vay không lãi suất. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100%.

(\*\*) Khoản cho vay với lãi suất 0%/năm. Thời hạn cho vay từ ngày 27/05/2022 đến ngày 27/05/2023. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

**5. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	65.600.000	65.600.000
Tạm ứng	252.736.824	252.736.824
Phải thu khác	13.049.191.592	16.419.471.325
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu & Khai thác khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	8.123.395.577
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại & Dịch vụ Hoàn Sơn	-	3.262.249.836
- Các đối tượng khác	4.925.796.015	5.033.825.912
<b>Cộng</b>	<b>13.367.528.416</b>	<b>16.737.808.149</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.512.959.872	1.512.959.872
Phải thu khác	7.599.674.680	16.389.674.680
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn (*)	7.599.674.680	16.389.674.680
<b>Cộng</b>	<b>9.112.634.552</b>	<b>17.902.634.552</b>
<b>Trong đó khác là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)</b>	<b>16.819.211.804</b>	<b>28.998.108.840</b>

(\*) Căn cứ vào Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CMI-2014 ngày 01/11/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn, Công ty dự kiến góp vốn 25 tỷ đồng để cùng đầu tư xây dựng, lắp đặt, khai thác trạm tuyển chế biến Mỏ quặng sắt tại thôn Làng Hồ, xã Hướng Sơn, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Thời gian hợp đồng từ ngày 01/11/2014 đến khi hết hiệu lực của giấy phép khai thác mỏ. Công ty được hưởng 85% lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Thực tế, Công ty đã góp 16.389.674.680 đồng bằng quyền đòi nợ các đối tác và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cavico Lào. Đến ngày 31/12/2016 và cho đến nay, Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn vẫn chưa được cấp gia hạn giấy phép khai thác mỏ. Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam vẫn chưa nộp đủ số vốn góp thiếu theo hợp đồng. Số tiền chưa góp đủ là 8.610.325.320 đồng. Trong năm 2022, Công ty đã thu hồi lại 8.790.000.000 đồng vốn ủy thác đầu tư bằng tiền mặt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	9.929.634.520	10.885.428.217
Các khoản khác	-	36.721.278
<b>Cộng</b>	<b>9.929.634.520</b>	<b>10.922.149.495</b>

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Xuất khẩu & Khai thác khoáng sản Việt Nam	15.361.287.488	-	(15.361.287.488)	44.117.973.588
Công ty Cổ phần Công nghiệp thương mại & Dịch vụ Hoàn Sơn	9.625.342.400	-	(9.625.342.400)	21.677.592.236
Công ty Cổ phần Khoáng sản & Công nghiệp Hưng Thịnh	5.147.623.734	-	(5.147.623.734)	5.147.623.734
Các đối tượng khác	16.915.124.861	119.961.600	(16.795.163.261)	33.744.397.561
<b>Cộng</b>	<b>47.049.378.483</b>	<b>119.961.600</b>	<b>(46.929.416.883)</b>	<b>104.687.587.119</b>
				<b>1.790.311.045</b>
				<b>(44.117.973.588)</b>
				<b>(21.677.592.236)</b>
				<b>(5.147.623.734)</b>
				<b>(31.954.086.516)</b>
				<b>(102.897.276.074)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.159.389.951	-	3.306.142.824	-
Công cụ, dụng cụ	41.150.000	-	41.150.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.979.470.605	(7.979.470.605)	28.092.653.543	(7.979.470.605)
Thành phẩm	66.166.206.704	-	50.120.481.721	-
Hàng hoá	5.560.426.600	-	-	-
Hàng gửi bán	9.217.670.373	-	9.217.670.373	-
<b>Cộng</b>	<b>130.124.314.233</b>	<b>(7.979.470.605)</b>	<b>90.778.098.461</b>	<b>(7.979.470.605)</b>

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm		Số phải nộp/ bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp/ bù trừ trong năm VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>						
Thuế giá trị gia tăng	-	-	7.520.360.376	7.520.140.518		219.858
<b>Cộng</b>	-	-	<b>7.520.360.376</b>	<b>7.520.140.518</b>		<b>219.858</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.919.437.961	81.275.667		441.275.667		2.279.437.961
Thuế thu nhập cá nhân	402.861.685	-		-		402.861.685
Thuế tài nguyên	1.729.417.939	-		-		1.729.417.939
Các loại thuế khác	616.979.082	47.990.196		47.990.196		616.979.082
Thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	10.468.160.885	829.803.351		70.000.000		9.708.357.534
<b>Cộng</b>	<b>15.136.857.552</b>	<b>959.069.214</b>		<b>559.265.863</b>		<b>14.737.054.201</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày đầu năm	35.147.320.844	83.085.005.125	3.319.147.521	4.406.198.949	125.957.672.439
Tại ngày cuối năm	35.147.320.844	83.085.005.125	3.319.147.521	4.406.198.949	125.957.672.439
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày đầu năm	8.553.019.326	36.518.870.402	2.206.571.650	1.146.000.156	48.424.461.534
Khấu hao trong năm	1.484.571.665	4.019.685.621	249.907.069	199.154.010	5.953.318.365
Tại ngày cuối năm	10.037.590.991	40.538.556.023	2.456.478.719	1.345.154.166	54.377.779.899
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	26.594.301.518	46.566.134.723	1.112.575.871	3.260.198.793	77.533.210.905
Tại ngày cuối năm	25.109.729.853	42.546.449.102	862.668.802	3.061.044.783	71.579.892.540

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 62.256.110.447 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 66.852.699.248 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 17.327.520.488 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 17.327.520.488 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền khai thác mỏ đá VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu năm	9.975.000.000	9.975.000.000
Tại ngày cuối năm	9.975.000.000	9.975.000.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu năm	4.017.708.308	4.017.708.308
Khấu hao trong năm	16.548.035	16.548.035
Tại ngày cuối năm	4.034.256.343	4.034.256.343
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	5.957.291.692	5.957.291.692
Tại ngày cuối năm	5.940.743.657	5.940.743.657

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát  
Guangzhou honesty trading Co., LTD  
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp Đông Nam  
Công ty Cổ phần kết cấu thép xây dựng Công nghiệp  
Phải trả cho các nhà cung cấp khác

**Cộng**

**Phải trả người bán là các bên liên quan  
(xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
	9.730.989.217	9.730.989.217	-	-
	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000
	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410
	721.304.958	721.304.958	721.304.958	721.304.958
	3.031.937.921	3.031.937.921	2.548.731.623	2.548.731.623
	<b>16.909.673.506</b>	<b>16.909.673.506</b>	<b>6.695.477.991</b>	<b>6.695.477.991</b>
	<b>9.896.453.217</b>	<b>9.896.453.217</b>	<b>165.464.000</b>	<b>165.464.000</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng  
Các đối tượng khác

**Cộng**

**Người mua trả tiền trước là bên liên quan  
(Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.1)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	5.750.000.000	5.750.000.000		
	684.464.508	111.254.085		
	<b>6.434.464.508</b>	<b>5.861.254.085</b>		
	<b>50.441.645</b>	-		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay	76.636.466.678	66.688.046.430
Chi phí phải trả khác	843.325.430	843.325.430
<b>Cộng</b>	<b>77.479.792.108</b>	<b>67.531.371.860</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.729.404.675	412.917.463
Kinh phí công đoàn	121.656.904	121.656.904
Bảo hiểm xã hội	2.955.115.009	2.955.115.009
Bảo hiểm y tế	90.910.190	90.910.190
Bảo hiểm thất nghiệp	7.385.832	7.385.832
Phải trả về cổ phần hóa	123.002.409	123.002.409
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.519.294.106	2.969.934.753
<b>Cộng</b>	<b>6.546.769.125</b>	<b>6.680.922.560</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>14.623.814.257</b>	<b>14.623.814.257</b>	-	-	<b>14.623.814.257</b>	<b>14.623.814.257</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i)	14.623.814.257	14.623.814.257	-	-	14.623.814.257	14.623.814.257
<b>Vay cá nhân, tổ chức</b>	<b>35.211.772.992</b>	<b>35.211.772.992</b>	<b>2.008.978.000</b>	<b>5.687.224.000</b>	<b>38.890.018.992</b>	<b>38.890.018.992</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (ii)	3.372.550.746	3.372.550.746	-	-	3.372.550.746	3.372.550.746
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát (iii)	31.624.861.246	31.624.861.246	1.484.978.000	5.171.000.000	35.310.883.246	35.310.883.246
Vay cá nhân, tổ chức khác (iv)	214.361.000	214.361.000	524.000.000	516.224.000	206.585.000	206.585.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)</b>	<b>64.794.486.644</b>	<b>64.794.486.644</b>			<b>63.814.000.000</b>	<b>63.814.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>114.630.073.893</b>	<b>114.630.073.893</b>			<b>117.327.833.249</b>	<b>117.327.833.249</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng số 1450LV201600205 ký ngày 14/04/2016 với hạn mức tín dụng là 23.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo được thực hiện theo các hợp đồng thế chấp: 1450-LCP-201100081; 1450-LCP-201300246; 1450-CLP201500291.

(ii) Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-21062010/HTĐT-CVCSSM-TAS ký ngày 21/06/2010 và phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 21/02/2011. Mục đích: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An góp tiền cho Công ty CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp (nay là Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam) để Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam làm đại diện sử dụng số tiền góp này để đầu tư chứng khoán. Lãi suất phải trả năm 2012 là 21,6%/năm. Thời hạn hợp đồng đến ngày 26/07/2011. Hiện nay Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế do đó Công ty không thực hiện đối chiếu được khoản công nợ này.

(iii) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát không tính lãi vay, không có tài sản đảm bảo.

(iv) Vay cá nhân, tổ chức khác không có tài sản đảm bảo, không tính lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản vay dài hạn</b>	<b>133.007.372.601</b>	<b>133.007.372.601</b>	-	<b>1.260.000.000</b>	<b>134.267.372.601</b>	<b>134.267.372.601</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i)	33.897.372.601	33.897.372.601	-	-	33.897.372.601	33.897.372.601
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (ii)	99.110.000.000	99.110.000.000	-	1.260.000.000	100.370.000.000	100.370.000.000
<b>Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>64.794.486.644</b>	<b>64.794.486.644</b>			<b>63.814.000.000</b>	<b>63.814.000.000</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	14.590.486.644	14.590.486.644			12.768.000.000	12.768.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	50.204.000.000	50.204.000.000			51.046.000.000	51.046.000.000
<b>Cộng</b>	<b>68.212.885.957</b>	<b>68.212.885.957</b>			<b>70.453.372.601</b>	<b>70.453.372.601</b>

(i) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV201500035 ký ngày 22/01/2015 với hạn mức 3.150.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực là 48 tháng. Mục đích khoản vay để mua 01 máy xúc lật và 06 xe ô tô Dongfeng. Lãi suất tại ngày vay là 10,5 %/năm, lãi suất thả nổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản đảm bảo là 01 máy xúc lật và 06 xe ô tô Dongfeng hình thành trong tương lai.

Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100330 ký ngày 15/09/2011 với hạn mức 5.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực là 60 tháng. Mục đích vay để mua máy móc thiết bị. Lãi suất là lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là quyền đầu tư khai thác mỏ sắt tại Yên Bái.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội bao gồm:

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Cmistone Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201500144 ký ngày 13/04/2015. Thời hạn hiệu lực: 96 tháng. Mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghệ An. Lãi suất tại ngày vay là 11%/năm, lãi suất biến đổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ngày 27/04/2018. Số tiền cho vay theo hợp đồng là 100 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị tại Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam. Đồng thời nhận lại quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 ngày 13/04/2015 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1420LAV201600050 ngày 04/02/2016 được ký giữa Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam và Ngân hàng. Thời hạn cho vay là 68 tháng từ ngày 27/04/2018 đến ngày 31/12/2024. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Các tài sản dùng để thế chấp cho Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam được chuyển sang để thế chấp cho Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam. Bao gồm: quyền thuê quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình trên đất hình thành trong tương lai theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại thửa đất số 950, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 402102 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/01/2016, xe ô tô tải, trạm nghiên sáng đá, máy bơm, hệ thống gầu tải,...

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế		Tổng cộng VND
				chưa phân phối	VND	
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(294.310.977.102)	(130.251.864.956)	
Lãi trong năm	-	-	-	19.888.102.046	19.888.102.046	
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(274.422.875.056)	(110.363.762.910)	
Lãi trong năm	-	-	-	30.178.694.939	30.178.694.939	
Số dư cuối năm nay	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(244.244.180.117)	(80.185.067.971)	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu vực nhà máy tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An và doanh thu của Công ty chủ yếu từ việc bán thành phẩm hoặc vật tư liên quan đến quy trình sản xuất đá ốp lát, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.185.381.978	38.583.725.671
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	27.185.381.978	38.583.725.671
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.185.381.978</b>	<b>38.583.725.671</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	32.278.367.735	40.572.580.322
<b>Cộng</b>	<b>32.278.367.735</b>	<b>40.572.580.322</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	441.401	407.356
Lãi chênh lệch tỷ giá	66.426.743	-
<b>Cộng</b>	<b>66.868.144</b>	<b>407.356</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	9.914.632.329	9.997.226.301
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	451.624.528	178.181.561
Chi phí tài chính khác	-	1.834.800
<b>Cộng</b>	<b>10.366.256.857</b>	<b>10.177.242.662</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.987.621.225	1.503.309.189
Chi phí bằng tiền khác	17.336.667	112.545.454
<b>Cộng</b>	<b>2.004.957.892</b>	<b>1.615.854.643</b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	544.288.224	452.390.500
Hoàn nhập dự phòng	(56.687.711.162)	(34.742.405.518)
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	42.642.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.323.340	122.300.000
Chi phí bằng tiền khác	80.836.568	77.993.033
<b>Cộng</b>	<b>(56.003.263.030)</b>	<b>(34.047.079.805)</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao, phân bổ	6.766.754.450	357.033.989
Phạt chậm nộp thuế, phí	936.059.506	-
Chi phí khác	646.497.842	49.854.000
<b>Cộng</b>	<b>8.349.311.798</b>	<b>406.887.989</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công ty Cổ phần Cmistone Việt Nam</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.916.908.410	24.477.262.835
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(38.916.908.410)	(24.477.262.835)
Cộng: Chi phí không được trừ	8.003.243.284	393.978.989
Trừ: Chuyển lỗ năm trước	46.920.151.694	24.871.241.824
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.738.213.471)	(4.589.160.789)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	346.068.514	12.909.000
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	346.068.514	12.909.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	(8.392.144.957)	(4.576.251.789)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN truy thu theo biên bản thanh tra thuế	81.275.667	-
Tổng chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	<u>81.275.667</u>	<u>-</u>

**9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	30.178.694.939	19.888.102.046
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.178.694.939	19.888.102.046
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	16.000.000	16.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.886	1.243
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.886	1.243
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.983.092.472	63.827.465.348
Chi phí nhân công	2.931.520.012	1.744.748.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.905.647	6.400.542.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.530.893.043	10.796.102.293
Chi phí khác bằng tiền	134.894.513	190.538.487
Chi phí dự phòng	(56.687.711.162)	(34.742.405.518)
Cộng	<u>(30.948.405.475)</u>	<u>48.216.990.860</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Ông Nguyễn Hữu Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thanh Hiệp

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm

Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Hữu

Thành viên Hội đồng Quản trị -

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư  
Hoàng Long

Ông Nguyễn Hữu Trung -

Chủ tịch HĐQT

Công ty CP CMISTONE Việt Nam

đồng thời là Giám đốc Công ty CP

Thương mại Xây dựng và Đầu tư

Hoàng Long

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ  
Hoành Sơn

Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch

HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE

Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ phần Công nghiệp

Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào

Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch

HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE

Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào

Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản  
Việt Nam

Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch

HĐQT Công ty CP CMISTONE

Việt Nam đồng thời là Đại diện theo

pháp luật Công ty CP Xuất khẩu và

Khai thác Khoáng sản Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát

Ông Trần Thanh Hữu -

Phó Tổng Giám đốc

Công ty CP CMISTONE Việt Nam

đồng thời là Giám đốc Công ty CP Đầu tư

Đại Gia Phát

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Hoàn ứng</b>	<b>379.346.700</b>	<b>11.144.460.546</b>
Ông Trần Thanh Hiệp	379.346.700	8.278.165.178
Ông Trần Thanh Hữu	-	2.866.295.368
<b>Tạm ứng</b>	<b>506.828.200</b>	<b>6.164.644.528</b>
Ông Trần Thanh Hiệp	506.828.200	4.636.496.844
Ông Trần Thanh Hữu	-	1.528.147.684
<b>Thu hồi ứng trước tiền hàng</b>	<b>28.756.686.100</b>	<b>8.487.544.000</b>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	28.756.686.100	8.487.544.000
<b>Thu hồi công nợ khác</b>	<b>12.052.249.836</b>	<b>10.861.420.451</b>
Ông Trần Thanh Hiệp	-	8.809.000.000
Ông Trần Thanh Hữu	-	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	-	852.420.451
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn	12.052.249.836	-
<b>Mua hàng</b>	<b>9.155.400.836</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	9.155.400.836	-
<b>Bán hàng</b>	<b>81.185.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	81.185.000	-
<b>Đi vay</b>	<b>1.722.978.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	1.484.978.000	-
Ông Trần Thanh Hiệp	238.000.000	-
<b>Trả gốc vay</b>	<b>5.400.224.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	5.171.000.000	-
Ông Trần Thanh Hiệp	226.704.000	-
Ông Trần Thanh Hữu	2.520.000	-
<b>Cho vay</b>	<b>195.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	195.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>186.121.826</b>	<b>5.994.417.009</b>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	53.093.352	53.093.352
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	88.102.342	88.102.342
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	44.926.132	5.853.221.315
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>50.441.645</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	50.441.645	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>16.694.176.507</b>	<b>28.746.426.343</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	7.599.674.680	19.651.924.516
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	971.106.250	971.106.250
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	8.123.395.577
<b>Tạm ứng</b>	<b>125.035.297</b>	<b>251.682.497</b>
Ông Trần Thanh Hiệp	90.942.260	217.589.460
Ông Trần Thanh Hữu	34.093.037	34.093.037
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>9.210.466.279</b>	<b>37.967.152.379</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	35.941.484.659
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>9.896.453.217</b>	<b>165.464.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	9.730.989.217	-
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	165.464.000	165.464.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>31.824.861.246</b>	<b>35.502.107.246</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	31.624.861.246	35.310.883.246
Ông Trần Thanh Hiệp	200.000.000	188.704.000
Ông Trần Thanh Hữu	-	2.520.000
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>2.406.000.000</b>	<b>2.211.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000	2.211.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	195.000.000	-

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

Trong năm, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc không nhận lương, thù lao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 2.008.978.000 đồng.

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 6.947.224.000 đồng.

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.



Trần Thị Hiền  
Người lập  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Trần Thị Hiền  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hiệp  
Tổng Giám đốc